

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lại Thị T, sinh năm 1973; thường trú: 69/11 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Tổ 19, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng L, sinh năm 1970; thường trú: 69/11 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Tổ 19, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lại Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lại Thị T và ông Nguyễn Trọng L có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 (một) năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào năm 1998, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/10/1998. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại địa bàn thị xã D, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Cuộc

sống vợ chồng không hạnh phúc từ khi kết hôn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Hai vợ chồng sống cùng nhà nhưng mạnh ai lấy sống, không có sự quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau. Ông L nghiện cờ bạc, không lo làm ăn, gây nợ nần cho gia đình dẫn đến việc vào năm 2020 bà T phải bán nhà để trả nợ cho ông L. Năm 2020, bà T đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố D sau khi lên Tòa án làm việc bà đã cho ông L cơ hội để thay đổi nhưng ông L vẫn không thay đổi. Nay bà T xác định không còn tình cảm và không muốn sống chung với ông L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung, cháu Nguyễn Thị N, sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Trọng V, sinh ngày 26/11/2007. Con chung hiện đang sinh sống cùng với bà T. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng V và không yêu cầu ông Nguyễn Trọng L cấp dưỡng. Cháu Nguyễn Thị N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn ông Nguyễn Trọng L:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông Nguyễn Trọng L có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà Lại Thị T nhưng ông Nguyễn Trọng L không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 23/4/2021 nhưng ông L vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị T.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, bà Lại Thị T và ông Nguyễn Trọng L có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Theo biên bản xác minh ngày 27/4/2021 của Tòa án tại Công an phường T xác định ông Nguyễn Trọng L hiện đang sinh sống tại địa chỉ tổ 19, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình

Dương. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt trực tiếp và niêm yết để triệu tập ông Nguyễn Trọng L đến Tòa án làm việc nhưng ông L vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Ông Nguyễn Trọng L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 14/5/2021 và ngày 31/5/2021 nhưng ông L vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Lại Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lại Thị T và ông Nguyễn Trọng L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào năm 1998, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/10/1998 nên quan hệ hôn nhân của bà Lại Thị T và ông Nguyễn Trọng L là hợp pháp.

Bà Lại Thị T xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hai vợ chồng sống cùng nhà nhưng mạnh ai lấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, mọi chuyện trong gia đình do một mình bà T quán xuyến. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến việc bà T không còn tình cảm và muốn yêu cầu ly hôn với ông L. Bản thân ông L, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập ông L đến tham gia phiên hòa giải để hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông L không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ ông L không muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông L đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Lại Thị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà Lại Thị T và ông Nguyễn Trọng L có hai con chung, cháu Nguyễn Thị N, sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Trọng V, sinh ngày 26/11/2007. Hiện con chung đang do bà T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng V và không yêu cầu ông Nguyễn Trọng L cấp dưỡng, cháu Nguyễn Thị N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét con chung hiện đang do bà T nuôi dưỡng, tại bản tự khai ngày 13/4/2021 cháu Nguyễn Trọng V xác định có nguyện vọng được sống chung với bà T. Qua đó thấy rằng việc giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Cháu Nguyễn Thị N đã trưởng thành các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Lại Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Trọng L cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Lại Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lại Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Trọng L (Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 20/10/1998).

2. Về con chung: Ông Nguyễn Trọng L giao cháu Nguyễn Trọng V, sinh ngày 26/11/2007 cho bà Lại Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lại Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Trọng L cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Thị N đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Sau ly hôn, ông Nguyễn Trọng L và bà Lại Thị T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lại Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0049474 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quyết